

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2021

V/v tranh chấp xin ly hôn và  
giải quyết việc nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Bà Phạm Hồng Gái

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Hà Thị Bích N**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số nhà 388, Tổ 6, ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn H**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số nhà 388, Tổ 6, ấp M, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hà Thị Bích N trình bày:* Vào năm 2012, chị và anh Nguyễn Văn H tìm hiểu và yêu thương nhau, sau đó được hai bên gia đình thống nhất cho tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 11/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống vui vẻ, hạnh phúc và sinh được 01 người con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Dung, sinh ngày 05/10/2012. Tuy nhiên từ đầu năm 2015, giữa chị và anh H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H hay nhậu nhẹt, không chăm lo cho vợ con, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị nhận thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh H nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H. Về con chung, chị nhận nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cho

đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung, giữa anh chị không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 13/5/2021, anh Nguyễn Văn H trình bày:* Quá trình chung sống và kết hôn với chị N như chị N trình bày, nhưng anh cho rằng giữa vợ chồng anh không có gì mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay là do anh đi biển gặp tai nạn dẫn đến thương tật (liệt tay trái), nên không còn khả năng lao động nuôi vợ con, từ đó chị N dẫn con đi, không quan tâm, lo lắng gì cho anh. Anh rất thương con nên không muốn vợ chồng ly hôn, nhưng chị N cương quyết ly hôn thì anh đồng ý. Anh muốn nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử anh Nguyễn Văn H nhưng anh H không có mặt tại Tòa và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh H chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lâm, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 11/6/2012, do đó hôn nhân giữa chị N và anh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù thời gian đầu chị và anh H chung sống hạnh phúc và có 01 con chung với nhau, nhưng từ kể năm 2015 tình cảm vợ chồng rạn nứt, giữa chị N và anh H thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và hai người sống ly thân cho đến nay. Xét thấy giữa anh chị không còn đời sống chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho chị N ly hôn với anh H theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh H có con chung là cháu Nguyễn Thị N Dung, sinh ngày 05/10/2012, hiện nay cháu đang sống với mẹ và chị N vẫn đảm bảo cho con có cuộc sống vật chất và tinh thần đầy đủ, anh H tuy muốn chăm sóc, nuôi dưỡng con nhưng điều kiện sức khỏe và điều kiện kinh tế của anh không đảm bảo lo cho cháu, do đó theo nguyện vọng của cháu Dung, xét nên giao cháu Dung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, anh H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cho đến khi cháu Dung đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh H xác nhận quá trình chung sống không tạo lập được tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 và khoản 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 8, 9, khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56, khoản 2, Điều 81 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Cho chị Hà Thị Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.
  2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị N Dung, sinh ngày 05/10/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Dung đủ 18 tuổi và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.
  3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
  4. Về án phí: Chị Hà Thị Bích N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003057 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị N đã nộp xong.
- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*
5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hà Thị Bích N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**